TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2022
V/v: Ly hôn giữa chị H và anh H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Lường Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2022 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị LTH, sinh 1993, trú tại: Bản NT, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh QVH, sinh 1990, trú tại: Bản NT, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTH trình bày:

Chị và anh QVH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 30/8/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh QVH nghiện ma túy, không chăm lo xây dựng gia đình, đã được hai bên gia đình và chính quyền khuyên giải và cai nghiện nhưng không khắc phục được. Từ năm 2019 hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTH xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh QVH.

Về con chung: Có ba con là QKV, sinh ngày 23/7/2010, QYV, sinh ngày 05/4/2012 và QTS, sinh ngày 18/3/2014, chị có nguyện vọng xin được nuôi cả ba con, tùy vào nguyện vọng của các con và không yêu cầu anh QVH cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh QVH từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu có trong hồ sơ xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTH và anh QVH. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTH. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục.

Về con chung: Có ba con là QKV, sinh ngày 23/7/2010, QYV, sinh ngày 05/4/2012 và QTS, sinh ngày 18/3/2014.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ xử cho chị LTH được ly hôn anh QVH.

Về con chung: Giao cho chị LTH trực tiếp nuôi hai con là QYV, sinh ngày 05/4/2012 và QTS, sinh ngày 18/3/2014. Giao cho anh QVH trực tiếp nuôi dưỡng con QKV, sinh ngày 23/7/2010. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh QVH sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bầy nguyện vọng, đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã MC, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh QVH.

Nguyên đơn chị LTH có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo quy định Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTH và anh QVH có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh QVH nghiện ma túy, không chăm lo xây dựng gia đình. Hai người sống ly thân từ năm 2019 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTH và anh QVH đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTH yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTH được ly hôn anh QVH.

[3] Về con chung: Có ba con là QKV, sinh ngày 23/7/2010 và QYV, sinh ngày 05/4/2012 và QTS, sinh ngày 18/3/2014. Nguyện vọng chị LTH xin được nuôi ba con, tùy vào nguyện của con và không yêu cầu anh QVH cấp dưỡng. Căn cứ vào nguyện vọng của hai con QYV và QTS đều muốn ở với mẹ. Cần giao hai con QYV và QTS cho chị LTH là người trực tiếp nuôi dưỡng. Còn con QKV có nguyện vọng ở với bố, cần giao cho anh QVH trực tiếp nuôi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị LTH được ly hôn anh QVH.

2. Về con chung: Giao cho chị LTH trực tiếp nuôi hai con là QYV, sinh ngày 05/4/2012 và QTS, sinh ngày 18/3/2014. Giao cho anh QVH trực tiếp nuôi dưỡng con QKV, sinh ngày 23/7/2010. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị LTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001947 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị LTH, anh QVH được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã MC, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.